

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 18/12/2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc; Bà Lê Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST - HNGĐ ngày 29/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 02/12/2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản CM, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản Đ, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

Chị Lò Thị N và anh Lò Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/11/2007, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2009, chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008 và cháu Lò Mai T, sinh ngày 06/4/2010.

Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Mai T, chị đề nghị giao cháu Lò Anh V cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị N cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Anh Lò Văn T và chị Lò Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/11/2007, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2009, vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, Anh T và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Anh T xác định không còn tình cảm với chị N, anh nhất trí ly hôn chị Lò Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008 và cháu Lò Mai T, sinh ngày 06/4/2010.

Tại phiên tòa anh T nhất trí với ý kiến của chị N: Anh trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lò Anh V, giao cháu Lò Mai T cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T cam đoan không có nợ chung.

Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 209; Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn T; Về con chung: Giao cháu Lò Mai T, sinh ngày 06/4/2010 cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận chị Lò Thị N và anh Lò Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không có; Về tài sản riêng: Không có; Về nợ chung: Chị N và anh T cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T có địa chỉ tại bản Đ, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị N và anh Lò Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/11/2007. Không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2009, anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, đời sống chung không thể kéo dài. Chị N và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Chị N và anh T xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa, yêu cầu giải quyết ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải về việc nuôi con, anh Toán được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại địa phương và tại phiên tòa cho thấy chị Lò Thị N và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn do đó không có giá trị pháp lý. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, cần tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008 và cháu Lò Mai T, sinh ngày 06/4/2010.

Tại phiên tòa chị Lò Thị N và anh Lò Văn T thỏa thuận: Anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008. Chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục cháu Lò Mai T.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 19/11/2020: Cháu Lò Mai T có ý kiến và nguyện vọng được ở với mẹ cháu là chị Lò Thị N. Cháu Lò Anh V có ý kiến và nguyện vọng được ở với bố cháu là anh Lò Văn T.

Từ các căn cứ nêu trên cần chấp nhận sự ý kiến của các bên và nguyện vọng của con giao cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lò Mai T cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận chị Lò Thị N và anh Lò Văn T tự thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh T cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Mai T, sinh ngày 06/4/2010 cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lò Anh V, sinh ngày 09/11/2008 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị N và anh T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2019/0000932, ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị N, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/12/2020)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- UBND xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa